

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016**



---

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>742,974,656,064</b>	<b>697,892,417,850</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>12,917,492,915</b>	<b>13,122,324,291</b>
1. Tiền	111		12,917,492,915	13,122,324,291
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>340,876,970,290</b>	<b>288,727,294,173</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	296,461,764,541	142,521,942,847
2. Trả trước cho người bán	132		38,169,562,609	77,507,822,675
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.3	8,588,747,478	72,544,095,601
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2,343,104,338)	(3,846,566,950)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>386,225,112,336</b>	<b>395,203,740,724</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	386,460,626,372	395,203,740,724
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(235,514,036)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,955,080,524</b>	<b>839,058,662</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,467,334,682	464,445,210
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		546,715,195	26,253,573
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		941,030,647	348,359,879
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>331,750,888,864</b>	<b>252,112,556,297</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1,165,385,716</b>	<b>1,581,706,706</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	215	V.3	1,165,385,716	1,581,706,706
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>144,236,654,373</b>	<b>146,863,252,007</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	103,405,645,602	109,995,837,770
<i>Nguyên giá</i>	222		218,171,658,022	207,440,651,890
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(114,766,012,420)	(97,444,814,120)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	39,501,962,049	35,391,859,341
<i>Nguyên giá</i>	225		52,292,123,054	50,864,352,851
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(12,790,161,005)	(15,472,493,510)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1,329,046,722	1,475,554,896
<i>Nguyên giá</i>	228		1,879,059,854	1,879,059,854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(550,013,132)	(403,504,958)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>4,920,646,652</b>	<b>4,920,646,652</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		5,214,306,300	5,214,306,300
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(293,659,648)	(293,659,648)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.6</b>	<b>166,113,885,619</b>	<b>89,017,321,369</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng dở dang	242		166,113,885,619	89,017,321,369
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15,314,316,504</b>	<b>9,729,629,563</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	15,314,316,504	9,729,629,563
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,074,725,544,928</b>	<b>950,004,974,147</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)***Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>586,207,597,177</b>	<b>483,003,323,941</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>411,035,044,353</b>	<b>343,040,561,219</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.17	187,549,899,574	206,946,469,972
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		153,525,253,388	100,510,900,321
3. Người mua trả tiền trước	313		16,549,794,325	5,644,295,415
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	4,500,230,772	8,412,896,707
5. Phải trả người lao động	315		3,900,498,831	2,233,317,328
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	810,367,587	1,279,922,096
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện	319	V.16	78,851,696	79,204,816
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	320	V.15	40,198,933,668	15,502,667,101
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	3,921,214,512	2,430,887,463
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>175,172,552,824</b>	<b>139,962,762,722</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	332	V.19	40,000,000	40,000,000
7. Phải trả dài hạn khác	336	V.15	555,000,000	555,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337	V.17	174,350,024,066	85,867,762,722
9. Trái phiếu chuyển đổi	338	V.18	-	53,500,000,000
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		227,528,758	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>488,517,947,751</b>	<b>467,001,650,206</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>488,517,947,751</b>	<b>467,001,650,206</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		398,900,000,000	398,900,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8,021,921,439	8,021,921,439
4. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	414		(2,100,000)	(2,100,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	417		25,847,204,177	24,356,877,127
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	418		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		7,408,737,696	5,918,410,646
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		48,342,184,439	29,806,540,994
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,074,725,544,928</b>	<b>950,004,974,147</b>

Người lập biểu

Phí Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Ngô Thị Hòa

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số B02-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	350,933,424,372	353,284,633,503	1,032,646,044,100	973,019,558,940
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	350,933,424,372	353,284,633,503	1,032,646,044,100	973,019,558,940
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	320,620,027,638	324,733,344,775	941,863,388,339	894,320,318,543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30,313,396,734	28,551,288,728	90,782,655,761	78,699,240,397
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	393,820,342	41,550,666	1,021,184,051	94,146,713
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	8,322,067,195	7,498,015,797	20,814,569,014	21,911,548,902
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7,834,594,478	7,201,916,779	20,178,788,362	21,208,833,087
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	2,931,965,551	3,126,962,222	9,241,221,785	8,465,036,014
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9	4,858,442,509	4,846,314,867	14,166,439,685	13,439,961,286
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14,594,741,821	13,121,546,508	47,581,609,328	34,976,840,908
11. Thu nhập khác	31	VI.6	21,554,000,343	249,136,402	22,976,522,131	719,015,740
12. Chi phí khác	32	VI.7	21,165,662,712	192,311,582	23,089,100,628	465,108,027
13. Lợi nhuận khác	40		388,337,631	56,824,820	(112,578,497)	253,907,713
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,983,079,452	13,178,371,328	47,469,030,831	35,230,748,621

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

**Báo cáo kết quả kinh doanh (tiếp theo)***Mẫu số B02-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,293,535,771	1,076,204,518	4,289,982,477	2781181726
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-91988469	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13,689,543,681	12,102,166,810	43,271,036,823	32,449,566,895
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	343	730	1,085	1,957

Người lập biểu



Phí Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hòa

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14,983,079,452	106,617,121	47,469,030,831	30,279,232,073
2. Điều chỉnh cho các khoản:						
- Khấu hao tài sản cố định	02		4,741,511,286	402,495,984	15,151,732,050	1,176,349,106
- Các khoản dự phòng	03		(1,279,239,732)	-	(1,267,948,576)	175,768,795
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-	-	59,996,139
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(664,419,100)	167,860,017	(533,570,261)	(29,762,110,916)
- Chi phí lãi vay	06		7,834,594,478	1,305,710,839	20,178,788,362	2,846,196,453
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25,615,526,384	1,982,683,961	80,998,032,406	14,018,383,464
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(55,875,516,103)	(69,505,690,052)	(61,812,742,416)	(202,717,539,919)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13,050,410,737)	2,404,119,443	8,743,114,352	16,246,294,530
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		85,354,912,598	(11,256,215,476)	91,051,464,475	7,997,210,720
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6,496,273,655)	(117,916,903)	(6,587,576,413)	318,546,579
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7,834,594,478)	(1,305,710,839)	(20,178,788,362)	(2,846,196,453)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,626,329,410)		(5,347,767,056)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		653,805,633		653,805,633	2,209,667,091
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(76,700,000)		(76,700,000)	(49,071,976)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>26,664,420,232</b>	<b>(77,847,801,842)</b>	<b>87,442,842,619</b>	<b>(164,822,705,965)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7,696,517,557)	(1,379,190,155)	(103,717,185,279)	(11,676,212,177)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(1,267,000,000)	-	90,000,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của						
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		384,919,262	34,346,266	393,820,342	44,705,787
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(8,578,598,295)</b>	<b>(104,974,476,054)</b>	<b>(103,233,364,937)</b>	<b>(115,261,138,555)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất QIII/2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	189,568,990,000	-	239,497,386,923
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(1,240,000)	-	(2,100,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	136,129,224,470	153,092,194,331	402,845,507,657	420,963,104,911
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(138,846,362,356)	(159,655,932,056)	(368,988,956,851)	(376,446,352,974)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	VII.2	(14,791,463,932)	(503,574,995)	(18,270,859,865)	(1,510,724,985)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36				-	0
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(17,508,601,818)</i>	<i>182,500,437,280</i>	<i>15,585,690,941</i>	<i>282,501,313,875</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>577,220,119</i>	<i>(321,840,616)</i>	<i>(204,831,377)</i>	<i>2,417,469,355</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	V.1	<i>12,340,272,795</i>	<i>3,061,133,303</i>	<i>13,122,324,291</i>	<i>321,823,331</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>					
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	V.1	<i>12,917,492,914</i>	<i>2,739,292,687</i>	<i>12,917,492,914</i>	<i>2,739,292,686</i>

Người lập biểu



Phí Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hòa

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2016



Tổng Giám đốc

Nguyễn Bá Hùng

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### • Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV-ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 29 tháng 09 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty là: **389.900.000.000 VND** (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn)

Tổng số cổ phần là 38.890.000 cổ phần;

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

#### • Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các thiết bị ngành nhựa, ngành điện công nghiệp và dân dụng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

#### • Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Tái chế phế liệu; đại lý, môi giới, đấu giá; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Cho thuê xe có động cơ; Khai thác muối;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- 
- Hoạt động của trụ sở văn phòng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
- Trụ sở Công ty: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
- Tel: (84-4) 3.689.1888 Fax: (84-4) 3.686.1616

### 4. Chu kỳ sản xuất thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Danh sách các công ty con:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016**

- Số lượng công ty con: 3 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0
- Danh sách các công ty con được hợp nhất:

*1) Công ty TNHH SmartWindow Việt Nam*

*Địa chỉ: Lô 1 - CN 5 Cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội*

*Vốn điều lệ: 36.000.000.000 VND*

*Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 36.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%*

*Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%*

*Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%*

*Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ thương mại.*

*2) Công ty TNHH Nhựa Đông Á*

*Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam*

*Vốn điều lệ: 159.330.000.000 VND*

*Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 159.330.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%*

*Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%*

*Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%*

*Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.*

*3) Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á*

*Địa chỉ: Lô số 36 KCN Tân Tạo, Đường Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP Hồ Chí Minh*

*Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND*

*Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 35.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%*

*Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%*

*Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%*

*Công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại.*

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. - Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

**2. - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất.

## **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

#### **Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016**

### **2. Công cụ tài chính**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Trong đó:
  - + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
  - + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

### **5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016**

Tại thời điểm 31/03/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3-7,5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6

**7.3 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016**

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

***Loại tài sản cố định***

***Thời gian khấu hao (năm)***

Phần mềm kế toán

4

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, lô đất có diện tích 960m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

***Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản công cụ dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩ vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị giao dịch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng đối với các hợp đồng thuê mặt bằng, trích trước chi phí phải trả tiền thuê nhà, tiền điện,... thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016**

### **14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC; doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

#### **Đối với doanh thu sản xuất và thương mại:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Đối với doanh thu Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản, phế liệu và các thu nhập khác,...

### **16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ lắp đặt được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

### **17. Nguyên tắc chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016**

**19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**19.1 Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ lắp đặt.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Riêng Công ty TNHH Nhựa Đông Á được hưởng ưu đãi theo Giấy chứng nhận ưu đãi số 39/GCNUĐT ngày 30 tháng 03 năm 2006 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 06221000006 ngày 12 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp thì Công ty được hưởng thuế suất 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời hạn trên thuế suất 22%; miễn 3 năm và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2015 là năm thứ 9 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi và giảm 50% trên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15%. Riêng đối với doanh thu từ hoạt động thương mại, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2016	01/01/2016
Tiền mặt	2,485,659,478	392,882,160
Tiền gửi ngân hàng	10,431,833,437	12,729,442,131
<b>Tổng cộng</b>	<b>12,917,492,915</b>	<b>13,122,324,291</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2016	01/01/2016
Công ty TNHH V& H Việt Nam	25,434,665,928	24,921,388,012
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	8,002,316,635	4,181,440,950
Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam		24,364,431,985
Các đối tượng khác	263,024,781,978	89,054,681,900
<b>Tổng cộng</b>	<b>296,461,764,541</b>	<b>142,521,942,847</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8,588,747,478</b>		<b>72,544,095,601</b>	
<b>Phải thu khác</b>	<b>3,132,272,544</b>		<b>2,239,941,633</b>	
Thuế GTGT của Tài sản thuê tài chính	338,074,422		222,834,486	
Các đối tượng khác	2,794,198,122		2,017,107,147	
<b>Tạm ứng</b>	<b>1,800,000,000</b>		<b>67,094,553,818</b>	
Nguyễn Bá Hùng (*)	1,800,000,000		67,094,073,818	
Các đối tượng khác			480,000	
<b>Cầm cố ký cược ký quỹ</b>	<b>3,656,474,934</b>		<b>3,209,600,150</b>	
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1,165,385,716</b>		<b>1,581,706,706</b>	
Cầm cố ký cược ký quỹ	1,165,385,716		1,581,706,706	
<b>Tổng cộng</b>	<b>9,754,133,194</b>	<b>-</b>	<b>74,125,802,307</b>	<b>-</b>

**4. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Guangxi Pingxiang Yingtai		0	803,000,000	0
Tổng Công ty xây dựng Hà Nội	1,553,283,696	776,641,848	1,553,283,696	776,641,848
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex	30,318,652		30,318,652	10,159,326

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

CN Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 (C106/N05)	299,080,677		299,080,677	69,540,338
Standard International	333,588,863	100,076,659	333,588,863	100,076,659
CN Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp- XN Số 5	286,568,360	-	286,568,360	286,568,360
CN Xây lắp & Mộc nội thất - Công ty CP Xây dựng Số 1 Hà Nội	540,964,459	162,289,338	540,964,459	540,964,459
Công ty CP Thiết bị Tự động hoá AMC	354,495,530	-	354,495,530	354,495,530
Techzone Global Trading Company	946,100,869	283,830,261	946,100,869	283,830,261
Công ty TNHH Thương mại xây dựng Đỉnh Điem	192,000,616	94,981,308	192,000,616	94,981,308
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hưng Thuận	30,033,134	0	30,033,134	0
Công ty Cổ phần Traco Thăng Long	450,000,400	0	450,000,400	0
Công ty xây lắp điện số 1	283,288,089	283,288,089	283,288,089	283,288,089
<b>Tổng cộng</b>	<b>5,299,723,345</b>	<b>1,701,107,503</b>	<b>6,102,723,345</b>	<b>2,800,546,178</b>

(\*) Những khoản công nợ này công ty đã trích lập dự phòng, giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm 30/09/2016 là: 2.343.104.338 đồng.

**5. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	200,392,083,236		187,783,520,592	
Công cụ, dụng cụ	1,093,315,044		2,153,492,531	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5,823,795,138		20,827,762,627	
Thành phẩm	76,486,516,528	49,511,806	50,661,620,455	
Hàng hóa	102,664,916,425	186,002,230	133,777,344,519	
Hàng gửi bán				
<b>Tổng cộng</b>	<b>386,460,626,371</b>	<b>235,514,036</b>	<b>395,203,740,724</b>	<b>-</b>

**6. Tài sản dở dang dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2016	01/01/2016
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>166,113,885,619</b>	<b>89,017,321,369</b>
Mua sắm TSCĐ tại Hà Nam	524,644,700	35,733,262,458
Xây dựng nhà xưởng	165,278,973,969	52,973,791,961
Công trình sửa chữa nhà xưởng		
Tân Tạo	310,266,950	310,266,950
	<b>166,113,885,619</b>	<b>89,017,321,369</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>100,135,997,858</b>	<b>87,992,667,977</b>	<b>17,787,622,616</b>	<b>1,524,363,439</b>	<b>207,440,651,890</b>
Mua trong kỳ		1,739,380,682	781,818,182	269,790,000	2,790,988,864
Đầu tư XD/CB hoàn thành		19,613,768,111			19,613,768,111
Tăng khác		12,492,079,814			12,492,079,814
Chuyển sang BĐS đầu tư					-
Thanh lý, nhượng bán			(1,739,744,364)		(1,739,744,364)
Giảm khác (*)		(22,426,086,293)			(22,426,086,293)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>100,135,997,858</b>	<b>99,411,810,291</b>	<b>16,829,696,434</b>	<b>1,794,153,439</b>	<b>218,171,658,022</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>25,381,638,922</b>	<b>57,665,439,821</b>	<b>12,998,579,049</b>	<b>1,399,156,328</b>	<b>97,444,814,120</b>
Khấu hao trong kỳ	2,191,377,718	4,064,668,595	727,456,644	102,732,104	7,086,235,061
Tăng khác	-	7,427,213,814	3,174,107,506	-	10,601,321,320
Chuyển sang BĐS đầu tư					-
Thanh lý, nhượng bán			(366,358,081)		(366,358,081)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>27,573,016,640</b>	<b>69,157,322,230</b>	<b>16,533,785,118</b>	<b>1,501,888,432</b>	<b>114,766,012,420</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>74,754,358,936</b>	<b>30,327,228,156</b>	<b>4,789,043,567</b>	<b>125,207,111</b>	<b>109,995,837,770</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>72,562,981,218</b>	<b>30,254,488,061</b>	<b>295,911,316</b>	<b>292,265,007</b>	<b>103,405,645,602</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.818.144.028 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

8. Tăng, giảm Tài sản thuê tài chính	Đơn vị tính: VND		
	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
<b>Chỉ tiêu</b>			
<b>Nguyên giá</b>			
Dư đầu năm		50,864,352,851	50,864,352,851
Thuê tài chính trong kỳ	1,143,636,364	12,776,213,653	13,919,850,017
Giảm khác (*)		(12,492,079,814)	-12,492,079,814
Dư cuối kỳ	1,143,636,364	51,148,486,690	52,292,123,054
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Dư đầu năm		15,472,493,510	15,472,493,510
Khấu hao trong kỳ	34,841,969	4,710,039,340	4,744,881,309
Giảm khác (*)		-7,427,213,814	-7,427,213,814
Dư cuối kỳ	34,841,969	12,755,319,036	12,790,161,005
<b>Giá trị còn lại</b>	69,683,938	25,510,638,072	25,580,322,010
Số đầu năm		35,391,859,341	35,391,859,341
Số cuối kỳ	1,108,794,395	38,393,167,654	39,501,962,049
<b>9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình</b>	Đơn vị tính: VND		
<b>Chỉ tiêu</b>		Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Dư đầu năm		1,879,059,854	1,879,059,854
Tăng do mua sắm			
Tăng khác			
Dư cuối kỳ		1,879,059,854	1,879,059,854
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Dư đầu năm		403,504,958	403,504,958
Khấu hao trong kỳ		146,508,174	146,508,174
Giảm do thanh lý			
Dư cuối kỳ		550,013,132	550,013,132
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm		1,475,554,896	1,475,554,896
Số cuối kỳ		1,329,046,722	1,329,046,722
<b>10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư</b>	Đơn vị tính: VND		
	01/01/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
			31/03/2016
<b>Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá</b>			
Nguyên giá	5,214,306,300	-	5,214,306,300

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016**

Quyền sử dụng đất	5,214,306,300	-	-	5,214,306,300
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>293,659,648</b>	-	-	<b>293,659,648</b>
Quyền sử dụng đất	293,659,648	-	-	293,659,648
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>4,920,646,652</b>	-	-	<b>4,920,646,652</b>
Quyền sử dụng đất	4,920,646,652	-	-	4,920,646,652

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/09/2016 cần được trình bày. Tuy nhiên Công ty hiện chưa xác định giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/09/2016 chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập định giá giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư. Hiện tại Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Tồn thất do suy giảm giá trị là chi phí khấu hao Bất động sản đầu tư từ những năm trước, Công ty thực hiện trích khấu hao theo quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

**11. Chi phí trả trước**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2016	01/01/2016
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1,467,334,682</b>	<b>464,445,210</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1,467,334,682	464,445,210
<b>b) Dài hạn</b>	<b>15,314,316,504</b>	<b>9,729,629,563</b>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6,157,537,399	538,508,633
Chi phí thuê đất	9,156,779,105	9,191,120,930
<b>Tổng cộng</b>	<b>16,781,651,186</b>	<b>10,194,074,773</b>

**12. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Đầu tư và XNK Hiền Vinh	4,724,096,876	4,724,096,876	3,512,478,334	3,512,478,334
Shanghai Xiensheng Manufacturing Co., LTD	4,037,057,980	4,037,057,980		
Jampoo Union Corp			34,833,210,287	34,833,210,287
Công ty TNHH Thương Mại DV Hùng Phát	2,049,010,011	2,049,010,011	17,074,054,280	17,074,054,280
Foshan Gaoming Hengrui Export and Import Co.,Ltd			13,878,349,088	13,878,349,088
Các đối tượng khác	142,715,088,521	142,715,088,521	31,212,808,332	31,212,808,332
<b>Tổng cộng</b>	<b>153,525,253,388</b>	<b>153,525,253,388</b>	<b>100,510,900,321</b>	<b>100,510,900,321</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2016	Tăng trong kỳ	Nộp trong kỳ	30/09/2016
a)				
Thuế GTGT đầu ra	947,776,374	0	947,776,374	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(78,986,602)	10,021,893,737	10,455,746,570	-512,839,435
Thuế nhập khẩu				0
Thuế xuất nhập khẩu	119,518,328	2,677,795,519	2,990,687,806	-193,373,959
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,604,237,252	4,289,982,477	5,347,767,056	2,546,452,673
Thuế thu nhập cá nhân	646,836,089	99,679,611	453,345,188	293,170,512
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		7,099,656	7,099,656	0
Các loại thuế khác	2,825,155,387	586,445,380	1,985,810,433	1,425,790,334
<b>Tổng cộng</b>	<b>8,064,536,828</b>	<b>17,682,896,380</b>	<b>22,188,233,083</b>	<b>3,559,200,125</b>

14. Chi phí phải trả	Đơn vị tính: VND	
	30/09/2016	01/01/2016
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tại KCN Châu Sơn - Hà Nam	1,170,960,104	1,250,912,096
Các khoản khác	-360,592,517	29,010,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>810,367,587</b>	<b>1,279,922,096</b>

15. Phải trả khác	Đơn vị tính: VND	
	30/09/2016	01/01/2016
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>39,076,572,207</b>	<b>15,502,667,101</b>
Kinh phí công đoàn;	418,887,125	138,867,850
Bảo hiểm xã hội; BHYT	110,214,806	136,208,199
Bảo hiểm thất nghiệp;	26,152,559	10,448,310
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	38,521,317,717	15,217,142,742
b) <b>Dài hạn</b>	<b>555,000,000</b>	<b>555,000,000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	555,000,000	555,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>39,631,572,207</b>	<b>16,057,667,101</b>

16. Doanh thu chưa thực hiện		
	30/09/2016	01/01/2016
Cho thuê văn phòng	78,851,696	79,204,816
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Hà Nội	40,000,000	40,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>118,851,696</b>	<b>119,204,816</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Đơn vị tính: VND

**17. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/09/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>187,549,899,569</b>	<b>187,549,899,569</b>	<b>345,993,686,454</b>	<b>365,390,256,857</b>	<b>206,946,469,972</b>	<b>206,946,469,972</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND (1)	31,118,177,266	31,118,177,266	78,141,881,801	151,529,949,913	104,506,245,378	104,506,245,378
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - VND (2)	29,914,891,791	29,914,891,791	34,727,044,114	9,990,541,565	5,178,389,242	5,178,389,242
NH VN Thịnh Vượng (3)	35,203,005,895	35,203,005,895	38,991,669,802	52,001,627,762	48,212,963,855	48,212,963,855
Ngân hàng United Overseas Bank Limited (4)	16,883,000,000	16,883,000,000	37,462,000,000	30,759,000,000	10,180,000,000	10,180,000,000
Ngân hàng TMCP Quốc tế (5)	-	-	3,500,000,000	15,568,596,500	12,068,596,500	12,068,596,500
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	15,179,711,112	15,179,711,112	15,179,711,112			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (6)	54,251,113,505	54,251,113,505	132,991,379,625	105,540,541,117	26,800,274,997	26,800,274,997
Vay cá nhân	5,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000			
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>120,850,024,066</b>	<b>120,850,024,066</b>	<b>56,851,821,203</b>	<b>21,869,559,859</b>	<b>85,867,762,722</b>	<b>85,867,762,722</b>
<b>b1) Vay dài hạn</b>	<b>88,105,756,301</b>	<b>88,105,756,301</b>	<b>28,883,754,203</b>	<b>3,598,699,994</b>	<b>62,820,702,092</b>	<b>62,820,702,092</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (7)	87,590,322,959	87,590,322,959	28,883,754,203	3,500,000,000	62,206,568,756	62,206,568,756



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VNĐ

				98,699,994		
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (8)	515,433,342	515,433,342			614,133,336	614,133,336
<b>b2) Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>32,744,267,765</b>	<b>32,744,267,765</b>	<b>27,968,067,000</b>	<b>18,270,859,865</b>	<b>23,047,060,630</b>	<b>23,047,060,630</b>
Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (9)	31,844,688,543	31,844,688,543	15,474,303,000	3,081,838,807	19,452,224,350	19,452,224,350
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP Công thương VN (10)	899,579,222	899,579,222	12,493,764,000	13,857,903,578	2,263,718,800	2,263,718,800
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương VN (11)	-	-		1,331,117,480	1,331,117,480	1,331,117,480
<b>Tổng cộng</b>	<b>308,399,923,635</b>	<b>308,399,923,635</b>	<b>402,845,507,657</b>	<b>387,259,816,716</b>	<b>292,814,232,694</b>	<b>292,814,232,694</b>

**c) Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

	Tổng thanh toán thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng thanh toán thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm (10)	21,494,780,044	3,223,920,179	18,270,859,865	1,083,646,859	182,580,281	901,066,578
<b>Tổng cộng</b>	<b>21,494,780,044</b>	<b>3,223,920,179</b>	<b>18,270,859,865</b>	<b>1,083,646,859</b>	<b>182,580,281</b>	<b>901,066,578</b>

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016**

(1) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTD/14168 ngày 22/09/2014 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 VND, lãi suất tại thời điểm giải ngân và thời hạn vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản bảo đảm là 02 dây chuyền sản xuất thanh profile, hiệu JH (Jinhu) model SJZ65/132+ YF240A, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50, địa chỉ Lô 36, đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa lô đất số D2, khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội với tổng giá trị tài sản bảo đảm là 63.237.900.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTD/13113 ngày 05/8/2013 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Lãi suất 9,5%/ năm, thời hạn vay tối đa 12 tháng, mục đích theo từng lần cấp tín dụng, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á địa chỉ Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; và 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lắp đặt tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại địa chỉ Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/13114 ngày 02/08/2013.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Shinhanbank theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2013/069 ngày 26/6/2013, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay dùng để tài trợ vốn lưu động, mở và thanh toán L/C trả ngay và trả chậm, lãi suất là lãi suất cơ bản tiền Việt Nam đồng do ngân hàng Nhà nước quy định + 2% một năm, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho tại kho của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

(3) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 11032014/CMB/VPB-TĐNĐA/01 ngày 11/3/2014, giá trị hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản đảm bảo khác.
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1186228/NHUADONGA-VPBANK ngày 22/12/2014, giá trị hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản đảm bảo khác. Phụ lục ngày 24/12/2015 về việc thay đổi thời hạn của hạn mức tín dụng. Thời hạn mới của hạn mức tín dụng: Tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 24/02/2016.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng United Overseas Bank Limited - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 10220150626-01 ngày 26/06/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD, lãi suất cho vay thời hạn tối đa không quá 6 tháng là 2,25%/năm, lãi suất cho vay tối đa 48 tháng là 3,5%/năm, mục đích vay để mở LC dành cho nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa và máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản đảm bảo khác. Phụ lục số UOB/HCMC/CCOD-030 ngày 02/07/2015 về việc thay đổi phí lần đầu, từ 3.000 USD xuống còn 1.500 USD.

(5) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 088DN91/2015/HĐTD/VIB-NHUADONGA ngày 28/07/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng, mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động, tài sản đảm bảo là các mặt hàng nhập khẩu và các tài sản đảm bảo khác.

(6) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2015/7610660/HĐTD ngày 27/10/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 30/06/2015, mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, tài sản đảm bảo là bất động sản đầu tư và tài sản cố định của đơn vị.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

(7) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2015/7610660/HĐTD ngày 27/10/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay kỳ đầu 8,8%/năm, lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng kể từ ngày kể từ ngày đầu rút vốn, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư nhà máy sản xuất, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.

(8) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1523100133/HĐTD ngày 19/08/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 658.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 60 tháng, mục đích vay mua tài sản cố định, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.

### **Nợ thuê tài chính theo các hợp đồng sau:**

(9) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00128-000, số 2013-00129-000 và số 2014-00164-000 với Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy ép thanh nhựa, máy lạnh - tháp tản nhiệt-máy bơm, máy đùn thanh nhựa PVC profile với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 9,54%/năm đến 10,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.

và Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2005/TSC - CTTC ngày 14/12/2015 với Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê Dây chuyền đùn Theysohn CON 63, Dây chuyền đùn Theysohn TTS 88, Dây chuyền đùn Theysohn CON 50 với thời hạn thuê 72 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 8,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 26.000.000 đồng.

(10) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2005/TSC - CTTC ngày 14/12/2015 với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam về thuê Dây chuyền đùn Theysohn CON 63, Dây chuyền đùn Theysohn TTS 88, Dây chuyền đùn Theysohn CON 50 với thời hạn thuê 72 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 8,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 26.000.000 đồng.

(10) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2016/TSC - CTTC ngày 19/01/2016 với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam về xe ô tô 7 chỗ biển số 30E30054 với thời hạn thuê 72 tháng. Tiền thuê được thanh toán đợt 1; 251.600.000 đồng, số còn lại sẽ thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 1.500.000 đồng. Giá trị thuê: 1.258.000.000 đồng.

(11) Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 13.11.03/CTTC ngày 25/10/2011. Tài sản thuê là máy phụ trợ sản xuất thanh profile đồng bộ và 7 khuôn mẫu profile đồng bộ, trị giá gốc tính cho thuê là 2.732.730.000 VNĐ. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 48 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần. Lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,3%/tháng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 13.11.05/CTTC ngày 28/12/2011. Tài sản thuê là một dây chuyền sản xuất vật liệu tấm nhôm nhựa tổng hợp Composite, trị giá gốc tính cho thuê là 6.655.587.400 đồng. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần. Lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,3%/tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

**18 Trái phiếu phát hành (11)**

	30/09/2016			01/01/2016		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Mệnh giá	53,500,000,000	4%	3 năm	53,500,000,000	4%	3 năm
<i>Công ty Liên doanh Shide Việt Nam</i>	13,500,000,000	4%	3 năm	13,500,000,000	4%	3 năm
<i>Japan South East Asia Growth Fund L.P</i>	40,000,000,000	4%	3 năm	40,000,000,000	4%	3 năm
<b>Cộng</b>	<b>53,500,000,000</b>	<b>4%</b>		<b>53,500,000,000</b>	<b>4%</b>	

(11) Theo hợp đồng mua bán trái phiếu chuyển đổi ngày 20/12/2012, hai công ty Liên doanh Shide Việt Nam mua: 13.500.000.000, Janpan South East Asia Growth Fund L.P mua: 40.000.000.000, thời gian chuyển đổi là 3 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Trái phiếu chuyển đổi của công ty hết hạn vào ngày 25/12/2015, Công ty đang thực hiện các thủ tục để gia hạn trái phiếu chuyển đổi căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/12/2015 về việc lấy ý kiến bằng văn bản gia hạn trái phiếu chuyển đổi. Ngày 28/12/2015 công ty đã ký hoàn thành xong phụ lục của hợp đồng gia hạn trái phiếu chuyển đổi với công ty Liên doanh shide Việt nam và quỹ Japan South Asia Growth Fund L.P, thời gian gia hạn là 02 năm/

Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi: 1 trái phiếu mệnh giá 500.000.000 đồng được chuyển đổi thành 37.037 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng

Mệnh giá trái phiếu là 500.000.000 đồng, lãi suất 5%/ năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Đơn vị tính: VND

**19. Vốn chủ sở hữu***a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>137,500,000,000</b>	<b>4,050,070,500</b>		<b>30,582,613,998</b>	<b>172,132,684,498</b>
Tăng vốn trong năm nay	261,400,000,000	4,303,125,000	(2,100,000)		265,701,025,000
Lãi trong năm nay				40,394,022,558	40,394,022,558
Trích lập các quỹ				(15,582,840,602)	(15,582,840,602)
Tăng khác				304,329,155	304,329,155
Cổ tức chi trả				(25,874,910,000)	(25,874,910,000)
Giảm khác		(331,274,061)		(16,674,115)	(347,948,176)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>398,900,000,000</b>	<b>8,021,921,439</b>	<b>(2,100,000)</b>	<b>29,806,540,994</b>	<b>436,726,362,433</b>
Tăng vốn trong năm nay				43,271,036,823	43,271,036,823
Lãi trong năm nay				(4,470,981,149)	(4,470,981,149)
Trích lập các quỹ				(319,517,227)	(319,517,227)
Tăng khác				(19,944,895,000)	(19,944,895,000)
Cổ tức chi trả					-
Giảm khác					-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>398,900,000,000</b>	<b>8,021,921,439</b>	<b>(2,100,000)</b>	<b>48,342,184,441</b>	<b>455,262,005,880</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Nguyễn Bá Hùng	27,766,760,000	120,322,680,000
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	95,547,930,000	95,547,930,000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	92,558,920,000	-
Công ty TNHH TM&SX Tam Sơn	1,787,500,000	1,787,500,000
Công ty Cổ phần Đầu tư FIT	12,375,000,000	12,375,000,000
Cổ đông khác	168,863,890,000	168,866,890,000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>398,900,000,000</u></b>	<b><u>398,900,000,000</u></b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	<u>30/09/2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	398,900,000,000	398,900,000,000
Vốn góp đầu kỳ		137,500,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ		261,400,000,000
Vốn góp giảm trong kỳ		-
Vốn góp cuối kỳ	398,900,000,000	398,900,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		25,874,910,000

**d) Cổ phiếu**

	<u>30/09/2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,890,000	39,890,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39,890,000	39,890,000
- Cổ phiếu phổ thông	39,890,000	39,890,000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	210	210
- Cổ phiếu phổ thông	210	210
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		39,889,790
- Cổ phiếu phổ thông	39,890,000	39,889,790
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	39,890,000	39,890,000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu		

Đơn vị tính: VND

**e) Các quỹ của công ty**

Khoản mục	01/01/2016	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	30/09/2016
Quỹ đầu tư phát triển	24,356,877,127	1,490,327,050		25,847,204,177

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5,918,410,646	1,490,327,050		7,408,737,696
<b>Tổng cộng</b>	<b>30,275,287,773</b>	<b>2,980,654,100</b>	<b>-</b>	<b>33,255,941,873</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản: chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế, được đơn vị trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Doanh thu bán thành phẩm	174,064,159,617	248,257,637,146
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	2,052,772,487	104,256,201,848
Doanh thu bán hàng hóa	174,816,492,268	770,794,509
<b>Tổng cộng</b>	<b>350,933,424,372</b>	<b>353,284,633,503</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Đơn vị tính: VND

	Quý 1/2016	Quý 3/2015
Chiết khấu thương mại		
Hàng bán bị trả lại		
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

Đơn vị tính: VND

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Giá vốn bán thành phẩm	157,545,599,306	223,897,305,078
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	1,843,915,983	100,065,245,188
Giá vốn bán hàng hóa	161,230,512,349	770,794,509
<b>Tổng cộng</b>	<b>320,620,027,638</b>	<b>324,733,344,775</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	393,820,342	41,550,666
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Tổng cộng</b>	<b>393,820,342</b>	<b>41,550,666</b>

**5. Chi phí tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Lãi tiền vay	7,834,594,478	7,201,916,779

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	487,472,717	296,099,018
Chi phí tài chính khác		
<b>Tổng cộng</b>	<b>8,322,067,195</b>	<b>7,498,015,797</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<b>Quý 3/2016</b>	<b>Quý 3/2015</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	90,000,000	
Các khoản khác	21,464,000,343	249,136,402
<b>Tổng cộng</b>	<b>21,554,000,343</b>	<b>249,136,402</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<b>Quý 3/2016</b>	<b>Quý 3/2015</b>
Chi phí từ thanh lý tài sản	229,749,919	
Chi phí khác	20,935,912,793	192,311,582
<b>Tổng cộng</b>	<b>21,165,662,712</b>	<b>192,311,582</b>
<b>8. Chi phí bán hàng</b>		<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<b>Quý 3/2016</b>	<b>Quý 3/2015</b>
Chi phí nhân viên	1,503,325,670	1,301,144,163
Chi phí vật liệu, bao bì	31,742,233	5,521,621
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21,226,350	
Chi phí khấu hao TSCĐ	724,393,261	683,219,373
Chi phí bảo hành	33,609,747	17,108,238
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215,437,779	671,500,531
Chi phí bằng tiền khác	402,230,511	448,468,296
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,931,965,551</b>	<b>3,126,962,222</b>
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<b>Quý 3/2016</b>	<b>Quý 3/2015</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2,153,191,095	2,116,963,520
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	44,578,870	34,120,950
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	260,792,085	119,445,231
Chi phí khấu hao TSCĐ	351,472,256	597,137,493
Thuế, phí, lệ phí	213,449,960	
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130,449,317	1,206,844,271
Chi phí bằng tiền khác	1,704,508,927	771,803,402
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,858,442,510</b>	<b>4,846,314,867</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

### 10.- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13,689,543,681	12,102,166,810
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13,689,543,681	12,102,166,810
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	39,890,000	16,577,520
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	343	730

### VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	136,129,224,470	480,810,214,590
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	136,129,224,470	480,810,214,590
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	402,051,280,648	10,351,504,277
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	387,259,816,716	9,654,356,248
Tiền trả nợ thuê tài chính	14,791,463,932	697,148,029

### VIII. Những thông tin khác

#### 1. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc

Phí Thị Thúy Hà

Ngô Thị Hòa

Nguyễn Bá Hùng